

TT	H LđT	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GD CD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
1	ñ ng L Khang	An	7.7	6.8	8.1	6.6	7.7	5.3	6.4	6.5	6.8	7.2	5.5	ñ	7.6		6.9	T t	Khá	HSTT	6	
2	L² Tu n	Anh	6.7	6.7	7.9	3.7	7.6	5.4	4.7	5.5	6.0	6.2	4.7	ñ	6.5		6	Khá	T.bình		17	
3	Ph m Ho»ng Qu c	B o	5.5	3.2	4.2	5.1	5.4	5.5	4.1	5.2	3.5	4.1	3.7	ñ	6.6		4.7	Khá	Y u		42	
4	Chung Thành	Công	5.6	6.4	5.2	6.1	6.2	4.1	7.3	6.9	3.6	5.7	6.2	ñ	7.0		5.9	T t	T.bình		18	
5	Nguy n	Duy	5.3	5.0	4.1	5.7	6.1	5.0	4.3	5.6	4.3	5.2	5.8	ñ	7.5		5.3	T t	T.bình		29	
6	Ph m Ng c ñ i	D ng	7.0	6.6	7.5	7.1	6.3	5.8	6.8	6.6	4.9	7.2	6.3	ñ	7.9		6.7	T t	T.bình		6	
7	Ph m ñ ãnh	ñ c	5.5	5.2	5.4	6.0	6.1	5.0	6.9	5.4	3.9	6.2	4.6	ñ	7.0		5.6	T t	T.bình		22	
8	Nguy n Th	H ng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
9	Võ	Hi u	6.0	5.4	3.4	5.2	5.8	5.9	7.1	6.6	4.2	7.2	5.7	ñ	6.5		5.8	Khá	Y u		32	
10	Nguy n Gia	H i	6.2	4.8	4.2	5.3	6.6	5.5	6.7	4.7	3.8	6.4	5.7	ñ	7.3		5.6	T t	T.bình		22	
11	L u Gia	Huy	6.3	4.6	5.3	5.5	5.9	3.8	6.1	4.5	4.7	5.9	5.4	ñ	7.9		5.5	T t	T.bình		27	
12	Tr n T n Thanh	Huy	5.3	4.7	4.0	4.9	5.1	4.6	5.8	5.6	5.0	5.8	4.5	ñ	7.3		5.2	T t	T.bình		30	
13	Nguy n T n	Hùng	5.2	3.5	4.3	3.4	4.6	4.6	3.9	4.3	5.0	4.0	3.7	ñ	6.8		4.4	Khá	Y u		43	
14	Tr n Quang VIO	Kha	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
15	Lê Minh	Khôi	6.6	6.4	6.5	4.2	5.6	5.0	6.6	6.0	4.3	4.6	4.7	ñ	6.1		5.6	T t	T.bình		22	
16	Nguy n Th Ho»ng	Lan	6.2	6.0	4.1	6.1	6.8	5.7	6.5	6.3	3.3	6.8	6.5	ñ	7.8		6	Khá	Y u		31	
17	Huinh Tuy t	Linh	5.6	4.1	3.1	6.0	5.0	4.6	5.7	5.6	4.4	5.6	5.5	ñ	7.1		5.2	Khá	Y u		35	
18	S m Vi t	Long	6.2	6.7	5.3	6.6	7.6	4.9	6.8	7.3	3.7	6.4	6.7	ñ	6.5		6.2	T t	T.bình		12	
19	Hoàng Cát	Minh	5.8	5.6	3.8	5.8	5.8	4.6	5.8	6.7	4.6	5.5	5.1	ñ	5.8		5.4	T t	T.bình		28	
20	L² VN	Nam	7.2	8.6	7.4	8.1	6.9	5.7	8.7	8.6	5.7	9.0	7.1	ñ	5.9		7.4	T t	Khá	HSTT	5	
21	Thªn Tr ng	Nguy n	7.9	8.2	7.5	7.8	7.4	6.1	9.4	8.6	7.2	9.0	6.2	ñ	6.3		7.6	T t	Khá	HSTT	4	
22	ñ ng Quang	Nhã	4.6	4.7	5.9	5.2	6.5	4.6	5.3	6.6	3.9	6.3	5.0	ñ	6.8		5.5	Khá	Y u		33	
23	Hà Duy	Nh t	5.2	4.2	5.1	6.5	6.0	5.3	5.9	7.3	5.2	5.2	4.4	ñ	7.0		5.6	T t	T.bình		22	
24	Ph m Y n	Nhi	5.8	6.4	5.4	7.5	6.9	5.7	7.3	6.6	5.1	6.8	6.7	ñ	8.0		6.5	T t	T.bình		9	
25	Lê Hoàng Minh	Phát	6.0	6.3	5.8	7.1	6.3	5.3	8.6	7.3	4.9	6.3	6.7	ñ	6.9		6.5	T t	T.bình		9	
26	L² Tr n Ng c	Phú	5.9	5.9	6.1	3.2	5.9	5.2	6.7	5.5	4.6	5.4	4.0	ñ	6.5		5.4	Khá	Y u		34	
27	Lê Minh	Phúc	7.1	6.3	6.3	4.7	6.9	6.1	6.5	6.5	6.4	5.9	5.3	ñ	7.0		6.3	T t	T.bình		11	
28	Tr nh Anh	Ph ng	6.7	4.3	6.2	2.9	5.5	3.5	6.2	4.1	5.7	5.0	4.0	ñ	6.9		5.1	Khá	Y u		38	
29	Tr n ñ ñg	Quang	6.2	6.1	5.4	5.1	5.5	5.0	6.4	5.9	4.4	5.1	5.6	ñ	5.9		5.6	T t	T.bình		22	
30	Huinh Th ñ »ng	Quân	5.9	6.5	4.8	6.7	5.4	5.2	7.1	7.0	6.1	6.0	5.9	ñ	7.3		6.2	T t	T.bình		12	
31	Nguy n H i	S n	7.3	8.4	8.5	8.8	7.4	6.4	8.8	8.3	5.3	7.9	8.0	ñ	7.1		7.7	T t	Khá	HSTT	2	
32	Mai Ph c	Tài	6.6	6.1	6.1	7.2	6.9	6.0	7.1	5.1	4.9	6.3	4.9	ñ	7.4		6.2	T t	T.bình		12	
33	Nguy n C»ng	Thành	5.5	3.6	3.0	6.6	6.5	4.0	5.9	5.4	4.2	5.0	5.4	ñ	6.8		5.2	Khá	Y u		35	
34	Phan Ng c Tuy t	Th o	5.3	5.9	6.1	5.7	6.2	5.1	6.7	6.8	5.0	5.9	6.3	ñ	8.3		6.1	T t	T.bình		15	

TT	H LđT	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
35	Phan Ti n	Th ng	7.1	8.0	6.0	6.0	7.4	5.2	7.1	7.1	4.8	7.3	6.5	ñ	7.5		6.7	T t	T.bình		6	
36	Nguy n V½Duy	Thông	4.8	3.9	4.4	4.4	7.0	5.3	4.5	5.8	2.9	6.1	6.2	ñ	6.9		5.2	Khá	Y u		35	
37	Nguy n Ng c	Ti n	8.3	9.5	9.3	7.7	8.2	6.9	8.5	8.5	6.0	9.0	8.4	ñ	8.1		8.2	T t	Khá	HSTT	1	
38	Nguy n Phan H ng	Trang	5.2	6.6	5.0	6.1	5.6	5.4	5.3	6.2	5.6	5.0	5.8	ñ	7.0		5.7	T t	T.bình		21	
39	V½Th Thanh	Trúc	6.7	7.7	4.7	5.4	6.3	6.0	5.2	5.8	5.6	6.4	6.5	ñ	6.3		6.1	T t	T.bình		15	
40	Ph m Quang	Tr ng	7.7	8.5	7.4	8.6	7.8	6.1	8.8	7.8	6.5	8.0	7.3	ñ	8.4		7.7	T t	Khá	HSTT	2	
41	ñ inh Nguy n Quang	Tu n	6.4	6.1	5.1	6.8	5.9	5.2	6.9	6.0	5.5	5.8	4.2	ñ	7.0		5.9	T t	T.bình		18	
42	Nguy n Ho@ng	Tú	4.8	4.8	4.3	4.2	5.7	3.4	4.6	5.7	4.7	5.2	4.6	ñ	6.6		4.9	Khá	Y u		39	
43	H T ng	Vân	6.1	5.7	4.4	5.3	5.6	4.9	5.9	7.0	5.1	6.1	6.6	ñ	7.4		5.8	T t	T.bình		20	
44	Tr nh L²	Vi	4.2	4.2	4.3	3.0	5.7	4.3	4.5	6.2	3.4	5.2	4.9	ñ	7.5		4.8	T.bình	Y u		41	
45	Nguy n Th H©	Vy	4.5	4.3	2.5	5.1	6.6	5.1	4.0	5.1	3.6	5.9	4.6	ñ	7.0		4.9	Khá	Y u		39	

		Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u
Gi i		1	6	3	3	1	0	6	4	0	4	2	0	4	0	1	29	0	0
	%	2.3	14	7	7	2.3	0	14	9.3	0	9.3	4.7	0	9.3	0	2.3	67.4	0	0
Khá		13	7	6	12	17	1	16	16	3	7	9	43	33	0	9	13	6	6
	%	30.2	16.3	14	27.9	39.5	2.3	37.2	37.2	7	16.3	20.9	100	76.7	0	20.9	30.2	14	14
T.Bình		24	16	17	18	24	29	13	19	16	29	18	0	6	0	28	1	24	
	%	55.8	37.2	39.5	41.9	55.8	67.4	30.2	44.2	37.2	67.4	41.9	0	14	0	65.1	2.3	55.8	
Y u		5	13	13	6	1	12	8	4	21	3	14	0	0	0	5	0	13	
	%	11.6	30.2	30.2	14	2.3	27.9	18.6	9.3	48.8	7	32.6	0	0	0	11.6	0	30.2	
Kém		0	1	4	4	0	1	0	0	3	0	0	0	0	0	0		0	
	%	0	2.3	9.3	9.3	0	2.3	0	0	7	0	0	0	0	0	0		0	

Bph quª n Li m TBCM : 5.9

HCM, 20 th" ng 5 nÑm 2015

Gi"o vi²n Ch nhim

Hi u tr ng

Ph m Th ñ c

TT	H LđT	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho h c	Sinh v t	Tin h c	VĩN h c	L ch s	ĩ a lĩ	Ngo i ng	GD CD	Cng ngh	Th d c	GDQP		ĩ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
1	Ho@ng Xu^a n Tr ng	An	5.5	3.4	4.4	4.2	7.0	5.6	7.8	5.5	4.5	5.2	4.9	ĩ	7.3		5.4	T.bình	Y u		42	
2	Nguy n Tu n	Anh	6.1	2.3	4.0	4.4	7.3	4.6	6.3	5.5	4.0	5.0	4.6	ĩ	7.3		5.1	T.bình	Y u		44	
3	Ph m Qu c	B o	6.1	3.3	3.9	5.6	7.0	6.7	6.6	4.5	4.4	5.6	4.6	ĩ	6.6		5.4	T.bình	Y u		42	
4	L u Ch´	C ng	5.2	4.9	5.6	4.4	7.2	5.9	6.4	5.2	4.8	5.5	4.6	ĩ	7.4		5.6	T t	T.bình		37	
5	Tr n B´ch	Duyên	7.7	6.4	6.4	7.2	8.4	6.4	7.8	7.2	5.1	7.5	6.4	ĩ	8.3		7.1	T t	Khá	HSTT	8	
6	H@L	Giang	5.0	3.9	4.3	5.3	7.2	5.7	7.7	5.0	4.2	4.4	5.1	ĩ	7.8		5.5	Khá	T.bình		40	
7	Nguy n Xu^a n	H u	5.0	5.5	4.8	7.5	8.5	6.0	7.6	6.6	5.1	5.6	5.9	ĩ	6.9		6.3	T.bình	T.bình		21	
8	Nguy n Tuy t	Hòa	6.3	5.3	6.0	5.1	7.3	7.0	8.3	5.9	6.2	6.6	5.9	ĩ	7.4		6.4	Khá	T.bình		18	
9	Nguy n ĩ c	Huy	6.3	5.2	5.2	5.6	7.2	5.5	8.0	6.9	5.2	7.7	5.4	ĩ	7.1		6.3	T t	T.bình		21	
10	Bành Gia	Huy	5.8	4.1	7.0	5.5	6.7	5.5	6.3	5.8	4.6	5.8	4.5	ĩ	6.4		5.7	Khá	T.bình		35	
11	Ph m ĩ nh Gia	Huy	8.1	6.9	9.1	7.3	8.1	6.9	7.8	7.3	7.0	7.1	6.8	ĩ	6.6		7.4	T t	Khá	HSTT	5	
12	L^2 Ho@ng ĩ c	Hùng	6.4	6.3	5.6	5.3	8.3	6.3	7.0	5.8	6.5	6.4	5.8	ĩ	7.6		6.4	T t	T.bình		18	
13	Tr n Ho@	H ng	8.0	8.4	8.9	6.9	8.1	6.8	8.5	8.1	7.1	8.1	7.7	ĩ	7.8		7.9	T t	Khá	HSTT	3	
14	Tr n Nguy n B o	Khang	6.0	6.1	6.7	6.3	7.5	6.7	7.0	6.7	6.7	7.5	6.5	ĩ	6.9		6.7	T t	Khá	HSTT	11	
15	ĩ ng Th Thi^2 n	Kim	7.0	5.1	5.5	5.1	8.2	5.5	8.0	6.6	5.7	6.1	5.9	ĩ	7.4		6.3	Khá	T.bình		21	
16	Tr nh Ćnh	Linh	7.1	5.1	7.0	5.4	7.9	5.0	7.5	7.8	5.8	7.2	6.1	ĩ	7.5		6.6	T t	Khá	HSTT	12	
17	Tr ng Quunh B o	Linh	6.2	5.2	6.5	5.5	7.1	6.4	7.9	7.0	6.4	6.8	5.0	ĩ	7.6		6.5	Khá	T.bình		17	
18	Phan Gia	Lu t	7.7	6.1	6.8	6.0	7.7	4.7	7.4	7.4	5.3	6.3	5.7	ĩ	7.8		6.6	T t	T.bình		16	
19	V½Ph m Quang	Minh	6.3	5.5	6.2	5.0	6.9	6.2	5.5	6.6	6.3	6.0	4.4	ĩ	6.6		6	T t	T.bình		28	
20	Nguy n L ng Kim	Ngân	8.4	8.7	8.8	7.8	8.2	7.8	8.9	9.1	8.5	8.7	8.6	ĩ	7.6		8.4	T t	Gi i	HSG	1	
21	Tr n VĩN	Nghĩ	6.3	4.0	8.9	5.8	8.1	5.2	6.4	6.1	4.1	5.1	4.6	ĩ	7.3		6	T.bình	T.bình		28	
22	Huunh ĩ Minh	Nh t	5.3	1.6	3.2	4.5	6.2	5.9	6.3	4.8	3.6	5.0	4.0	ĩ	6.0		4.7	T.bình	Kém		45	
23	VĩOMinh	Nh t	6.0	4.6	5.1	5.9	7.9	5.9	4.4	4.5	5.3	6.0	5.1	ĩ	7.0		5.6	Khá	T.bình		37	
24	Tr n Th H ng	Nhiên	6.6	5.8	5.7	6.2	8.3	6.2	8.4	7.8	6.2	7.7	6.1	ĩ	7.9		6.9	Khá	Khá	HSTT	14	
25	Ng Tr n Ph ng	Nh	7.0	5.7	6.3	6.2	7.0	4.6	5.2	5.9	4.6	5.9	5.6	ĩ	7.6		6	T t	T.bình		28	
26	Tr n T n	Phát	7.0	5.1	6.0	6.9	7.8	5.9	6.9	7.1	5.3	6.6	5.7	ĩ	7.9		6.5	T t	Khá	HSTT	13	
27	Tr n Thanh	Phú	6.1	5.8	7.4	4.5	6.7	4.6	7.1	5.2	5.2	4.2	4.4	ĩ	7.5		5.7	T t	T.bình		35	
28	D ng L^2 Tr^3 c	Ph ng	5.3	5.2	4.7	6.4	7.5	4.5	7.5	5.0	4.7	6.4	5.7	ĩ	8.6		6	T t	T.bình		28	
29	V½Li^2 u T n	Qui	6.4	5.2	7.0	6.3	7.1	6.2	6.2	6.0	5.5	5.1	4.9	ĩ	7.3		6.1	Khá	T.bình		26	
30	Tr n Ki^2 n	Qu c	5.7	4.2	6.6	6.0	7.4	6.2	6.8	6.5	6.2	5.5	4.5	ĩ	7.5		6.1	T t	T.bình		26	
31	Phan Th Thu	S ng	5.6	4.1	4.5	6.9	7.2	5.0	5.5	6.2	5.6	7.0	5.6	ĩ	7.5		5.9	Khá	T.bình		33	
32	Nguy n Trung	Tài	7.3	7.5	9.0	7.1	8.7	6.5	7.9	8.1	7.7	7.7	6.4	ĩ	7.6		7.6	T t	Khá	HSTT	4	
33	Tr n Thi n	Thành	5.7	4.2	4.8	5.2	6.8	5.2	7.3	6.8	5.6	6.5	5.1	ĩ	7.3		5.9	T.bình	T.bình		33	
34	Nguy n Hi u	Th o	5.9	4.2	5.8	5.2	6.8	6.5	7.9	7.5	6.3	5.8	6.5	ĩ	7.3		6.3	T t	T.bình		21	

TT	H Ld'T	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
35	Nguy n Th H ng	Thi	6.1	3.3	5.3	5.1	7.0	6.4	7.2	6.3	4.6	7.1	5.1	ñ	8.0		6	Khá	Y u		41	
36	Ph m Tr'	Thông	6.0	4.6	7.1	5.1	8.4	5.8	6.0	6.1	6.2	6.2	4.5	ñ	8.0		6.2	Khá	T.bình		25	
37	Nguy n Minh	Th ng	7.4	6.5	7.1	7.5	6.8	5.7	8.2	7.4	5.6	7.9	5.7	ñ	7.4		6.9	T t	Khá	HSTT	10	
38	Tr n Trung	Tín	5.4	4.5	6.4	6.0	7.1	6.3	6.2	6.8	4.9	5.8	4.5	ñ	7.5		6	T.bình	T.bình		28	
39	Phan Nguy n Ng c	Trâm	6.0	6.3	5.9	5.7	7.6	5.7	7.1	7.5	4.7	6.6	5.3	ñ	8.3		6.4	Khá	T.bình		18	
40	Phan Gia	Tri t	7.6	5.8	6.7	6.2	9.0	4.8	6.6	7.4	5.4	6.7	6.3	ñ	7.8		6.7	T t	T.bình		14	
41	Nguy n C»ng	Tu n	6.5	6.5	7.1	7.2	7.1	6.2	8.0	7.5	5.4	8.1	5.8	ñ	7.5		6.9	T t	Khá	HSTT	9	
42	Nguy n VNh	Tú	8.5	8.4	9.4	6.3	8.8	7.3	8.7	7.8	7.8	8.0	6.8	ñ	7.8		8	T t	Khá	HSTT	2	
43	Nguy n Ng c Thuĩ	Vi	7.4	6.6	6.6	7.7	7.3	7.5	8.3	8.7	7.2	8.2	5.9	ñ	7.9		7.4	T t	Khá	HSTT	6	
44	Tr n Ho@ng	VIO	6.8	3.9	5.1	4.3	7.9	6.0	5.5	5.6	4.7	4.9	4.7	ñ	8.0		5.6	T.bình	T.bình		37	
45	Nguy n L² Th³	Vy	7.2	6.2	6.8	6.7	7.7	7.2	7.5	7.5	7.6	7.6	7.3	ñ	7.8		7.3	T t	Khá	HSTT	7	

		Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u
Gi i		4	3	6	0	13	0	10	4	1	5	1	0	6	0	2	24	1	1
	%	8.9	6.7	13.3	0	28.9	0	22.2	8.9	2.2	11.1	2.2	0	13.3	0	4.4	53.3	2.2	2.2
Khá		14	5	14	12	31	11	22	22	8	17	6	45	37	0	15	12	13	13
	%	31.1	11.1	31.1	26.7	68.9	24.4	48.9	48.9	17.8	37.8	13.3	100	82.2	0	33.3	26.7	28.9	28.9
T.Bình		27	20	16	27	1	28	12	16	22	20	24	0	2	0	27	9	26	
	%	60	44.4	35.6	60	2.2	62.2	26.7	35.6	48.9	44.4	53.3	0	4.4	0	60	20	57.8	
Y u		0	12	8	6	0	6	1	3	14	3	14	0	0	0	1	0	4	
	%	0	26.7	17.8	13.3	0	13.3	2.2	6.7	31.1	6.7	31.1	0	0	0	2.2	0	8.9	
Kém		0	5	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		1	
	%	0	11.1	2.2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		2.2	

Bph quª n Li m TBCM : 6.4

HCM, 20 th" ng 5 nÑm 2015

Gi"o vi²n Ch nh m

Hi u tr ng

Tr ng Th@nh Khoa

TT	H Ld'T	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ĩ a lĩ	Ngo i ng	GD CD	Cng ngh	Th d c	GDQP		ĩ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
1	L ² Huy n Th ^{3/4}	An	3.4	4.0	4.5	5.2	7.3	4.7	3.5	3.8	2.8	4.8	4.0	ĩ	6.5		4.5		Y u			
2	L u Tu n	Anh	6.2	3.6	3.6	6.3	6.5	4.8	3.6	5.1	3.3	4.6	5.3	ĩ	6.8		5		Y u			
3	Nguy n Qu c	B o	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
4	Ho@ng Ng c Th y	Chung	6.0	4.6	3.8	5.8	7.5	4.3	5.9	6.1	4.6	6.2	5.6	ĩ	7.8		5.7		T.bình			
5	Tr n Nguy n Th@h	Công	6.0	6.2	6.5	6.9	6.9	5.6	7.5	6.3	5.4	6.8	5.9	ĩ	7.1		6.4		T.bình			
6	Tr nh Qu c	C ng	5.2	5.1	4.6	7.0	7.0	6.0	5.5	6.5	3.4	5.7	5.9	ĩ	7.3		5.8		Y u			
7	ĩ ng ĩ c	Duy	7.6	7.9	7.6	7.2	7.5	6.0	7.6	8.1	4.6	8.0	6.8	ĩ	7.3		7.2		T.bình			
8	Tr n Th H ng	Giang	5.2	5.0	4.9	6.2	7.5	4.5	3.8	3.8	4.2	5.3	5.7	ĩ	6.4		5.2		T.bình			
9	Lê Trung	H u	4.3	5.9	6.8	4.2	7.5	5.5	4.5	4.8	5.6	6.1	6.9	ĩ	5.8		5.7		T.bình			
10	Tr n	Hòa	4.5	5.1	6.5	4.6	7.3	4.9	3.9	5.0	3.9	6.0	6.0	ĩ	6.9		5.4		Y u			
11	Nguy n Th Hoa	H ng	6.3	5.6	6.4	6.5	7.5	6.0	5.7	5.2	4.7	5.4	5.3	ĩ	7.1		6		T.bình			
12	L ² ĩ c	Huy	5.2	4.5	4.7	6.2	7.3	4.9	5.2	5.2	4.8	5.9	5.0	ĩ	6.8		5.5		T.bình			
13	ĩ ng Gia	Huy	6.9	6.2	5.6	6.2	7.2	5.0	7.6	5.5	4.4	6.8	6.1	ĩ	6.5		6.2		T.bình			
14	VIOVi t	Hùng	7.1	6.7	8.1	5.3	7.0	5.4	6.5	6.4	6.5	6.8	6.2	ĩ	6.5		6.5		Khá			
15	Lê Anh	Khang	6.1	4.9	6.3	6.2	6.5	4.3	2.8	5.0	4.9	4.8	4.0	ĩ	6.4		5.2		Y u			
16	Ph m Th Qu c	Khánh	7.7	6.9	7.6	8.3	7.9	6.4	8.7	8.1	7.4	7.4	7.4	ĩ	6.9		7.6		Khá			
17	Nguy n Th Thanh	Lan	6.3	5.8	5.7	7.9	8.1	5.9	8.1	7.5	5.9	8.7	6.9	ĩ	7.1		7		T.bình			
18	Th"i VÑh	Linh	8.2	7.0	9.5	7.2	8.2	6.1	6.9	6.8	5.4	6.3	7.1	ĩ	7.4		7.2		Khá			
19	Tr n Quang	Lu n	7.3	5.7	6.7	6.8	7.8	4.6	3.9	5.7	4.9	6.3	5.2	ĩ	6.8		6		T.bình			
20	Ph m Huuñh Ng c	Minh	6.6	5.6	6.2	6.7	7.4	4.9	7.7	6.0	6.2	6.7	5.9	ĩ	6.9		6.4		T.bình			
21	Phan Bích Kim	Ngân	7.4	6.7	6.2	6.8	7.7	5.5	6.6	6.7	3.9	6.5	5.2	ĩ	7.3		6.4		T.bình			
22	Tr n Tr ng	Nghĩa	6.2	6.6	6.2	6.8	8.3	5.2	8.2	6.9	5.5	6.9	5.4	ĩ	8.5		6.7		T.bình			
23	Nguy n Th Y n	Nhi	4.5	5.4	4.7	7.8	7.1	5.3	4.0	5.4	3.7	6.6	6.2	ĩ	6.5		5.6		T.bình			
24	Nguy n Th Huuñh	Nh	6.2	7.2	6.2	8.3	7.5	6.3	8.7	7.2	5.1	8.1	5.8	ĩ	7.3		7		T.bình			
25	Nguy n T n	Phát	5.2	4.4	5.3	5.0	6.6	5.0	6.0	5.2	5.8	4.8	5.2	ĩ	7.0		5.5		T.bình			
26	Nguy n VÑh Ng c	Phú	5.0	5.4	4.8	6.3	7.1	5.2	4.6	5.5	5.6	6.2	4.7	ĩ	6.3		5.6		T.bình			
27	Nguy n Th Thanh	Ph ng	7.6	6.2	7.0	7.0	7.3	6.0	6.8	7.9	6.1	6.4	5.5	ĩ	6.9		6.7		Khá			
28	Nguy n Trung	Qu ng	6.5	7.4	8.9	7.6	6.6	5.7	7.1	6.5	8.5	6.3	4.9	ĩ	5.9		6.8		T.bình			
29	ĩ ng C ng	Qu c	6.7	6.6	7.4	7.4	6.8	5.2	8.1	8.2	7.0	6.9	5.8	ĩ	7.0		6.9		Khá			
30	Nguy n Thanh	S n	4.4	4.7	4.4	6.9	7.1	5.0	5.4	6.5	5.2	4.3	3.6	ĩ	6.1		5.3		T.bình			
31	C T n	Tài	4.4	4.7	5.2	5.2	6.7	5.7	5.9	5.1	4.6	5.8	4.5	ĩ	6.9		5.4		T.bình			
32	Võ Minh	Thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
33	D ng ĩ c	Th ng	5.2	3.5	6.8	4.8	6.8	5.0	4.4	5.6	4.1	4.9	4.7	ĩ	6.5		5.2		T.bình			
34	Nguy n Ho@ng Anh	Thi	5.4	6.7	6.1	7.5	7.6	5.6	6.4	6.5	6.1	6.6	6.1	ĩ	6.4		6.4		T.bình			

TT	H Ld	T	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
35	Bùi Gia		Thông	7.2	6.1	6.9	6.3	7.9	5.7	7.2	6.1	5.9	7.8	6.8	ñ	6.1		6.7		Khá			
36	Bùi Hoài		Th ng	5.7	5.5	4.6	7.5	8.0	5.2	6.0	5.1	5.0	4.1	5.2	ñ	7.3		5.8		T.bình			
37	Tr ng Nguy n Trung		Tín	5.9	5.9	6.2	6.9	7.2	6.1	8.2	6.9	4.6	6.9	5.9	ñ	5.8		6.4		T.bình			
38	Tr n Th Ng c		TrÑm	7.0	6.4	6.1	7.2	7.5	5.3	6.7	6.9	4.8	6.7	6.1	ñ	7.1		6.5		T.bình			
39	Tr ng Huunh B o		Trâm	7.7	6.5	6.3	6.8	7.3	5.2	4.8	6.2	5.1	5.5	5.0	ñ	6.8		6.1		T.bình			
40	Nguy n T n		Tr ng	8.2	7.0	7.1	7.1	7.5	5.8	7.4	7.9	6.1	7.6	7.5	ñ	6.8		7.2		Khá			
41	Nguy n Minh		Tú	6.8	7.4	6.5	8.1	8.7	5.7	6.0	6.2	5.2	7.0	6.7	ñ	7.9		6.9		Khá			
42	Nguy n Thanh		Vi	7.1	6.7	6.2	6.4	7.6	4.6	5.6	6.4	4.7	5.8	5.4	ñ	6.6		6.1		T.bình			
43	Tr n Ph ng Anh		VIO	4.8	3.7	4.3	5.8	7.1	4.5	4.2	6.2	4.8	4.2	4.5	ñ	6.5		5.1		Y u			
44	Nguy n Thuĩ		Vy	7.4	6.5	8.3	6.6	7.6	5.8	7.5	6.8	6.1	7.7	6.3	ñ	6.9		7		Khá			
45	Phan Th Nh		Ý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		

		Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u
Gi i		2	0	4	3	5	0	6	3	1	3	0	0	1	0	0	0	0	0
	%	4.8	0	9.5	7.1	11.9	0	14.3	7.1	2.4	7.1	0	0	2.4	0	0	0	0	0
Khá		16	15	12	22	37	0	13	14	3	16	8	42	32	0	15	0	9	0
	%	38.1	35.7	28.6	52.4	88.1	0	31	33.3	7.1	38.1	19	100	76.2	0	35.7	0	21.4	0
T.Bình		17	17	15	14	0	31	11	22	18	15	26	0	9	0	26	0	27	
	%	40.5	40.5	35.7	33.3	0	73.8	26.2	52.4	42.9	35.7	61.9	0	21.4	0	61.9	0	64.3	
Y u		6	10	11	3	0	11	11	3	17	8	8	0	0	0	1	0	6	
	%	14.3	23.8	26.2	7.1	0	26.2	26.2	7.1	40.5	19	19	0	0	0	2.4	0	14.3	
Kém		1	0	0	0	0	0	1	0	3	0	0	0	0	0	0		0	
	%	2.4	0	0	0	0	0	2.4	0	7.1	0	0	0	0	0	0		0	

Bph quª n Li m TBCM : 6.1

HCM, 20 th" ng 5 nÑm 2015

Gi"o vi²n Ch nh m

Hi u tr ng

Nguy n Minh Nh t

TT	H Ld'T	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ĩ a lĩ	Ngo i ng	GD CD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ĩ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
1	Vĩ Ho@ng	Anh	5.0	5.0	7.3	4.5	6.9	5.0	5.4	4.7	4.2	4.0	4.4	ĩ	7.0		5.3		T.bình			
2	Ph m Tu n	Anh	8.0	7.0	9.3	7.5	7.9	5.7	7.2	7.1	5.7	6.9	6.3	ĩ	7.8		7.2		Khá			
3	Huunh Ph c	Bình	6.8	4.1	4.5	4.5	7.3	4.9	5.2	4.8	6.5	6.1	4.6	ĩ	7.4		5.6		T.bình			
4	ĩ @n Trung	C ng	3.2	3.8	3.9	5.2	6.3	5.2	6.0	6.2	3.3	5.0	4.5	ĩ	6.4		4.9		Y u			
5	Tr nh Thũy	Duyên	4.0	3.6	3.0	4.9	6.6	3.7	5.0	4.7	4.7	4.2	5.0	ĩ	6.1		4.6		Y u			
6	Nguy n Xuªn	H	3.1	3.6	4.1	3.9	6.5	4.7	4.3	4.2	5.5	4.7	3.8	ĩ	6.0		4.5		Y u			
7	Nguy n Ng c Gia	Hân	3.8	4.7	3.3	5.0	7.4	5.6	5.3	5.2	4.6	5.6	4.7	ĩ	6.8		5.2		Y u			
8	Huunh Vĩ	Hĩ n	5.3	6.1	6.1	5.7	7.3	6.6	5.8	6.6	5.8	5.9	5.1	ĩ	6.1		6		T.bình			
9	ĩ @ Duy	Hoàng	4.7	4.9	5.9	5.6	7.3	6.2	3.9	5.3	5.8	5.4	5.5	ĩ	6.6		5.6		T.bình			
10	Nguy n Ho@ng	Huy	4.7	5.8	6.5	7.5	8.1	5.7	5.0	5.1	5.4	7.3	5.4	ĩ	6.8		6.1		T.bình			
11	Vũ Gia	Huy n	4.2	5.0	5.4	6.9	8.2	6.4	6.0	5.2	5.2	7.2	5.9	ĩ	7.1		6.1		T.bình			
12	Nguy n Vĩ	H ng	4.2	6.7	6.4	5.7	7.6	6.7	5.8	6.7	4.3	5.8	6.2	ĩ	7.3		6.1		T.bình			
13	Huunh Duy	Khang	4.8	4.5	5.3	4.7	7.1	5.3	5.3	5.9	6.2	5.7	5.2	ĩ	6.4		5.5		T.bình			
14	Nguy n Trung	Kiên	4.7	5.0	5.0	5.2	7.5	5.6	5.5	7.1	3.9	6.3	5.1	ĩ	5.6		5.5		T.bình			
15	Huunh Th Tuy t	Liên	5.4	5.0	3.5	5.8	6.9	5.6	5.2	6.2	5.0	5.6	5.4	ĩ	6.5		5.5		T.bình			
16	Ch ng Gia	Linh	6.4	5.3	5.9	6.5	8.2	6.8	6.8	7.7	5.9	7.6	6.7	ĩ	6.5		6.7		Khá			
17	Tr ng Ho@ng	Luân	4.5	2.8	4.6	5.4	6.3	4.3	2.4	4.6	5.5	5.2	5.1	ĩ	7.9		4.9		Y u			
18	Tr n Quang	Minh	5.9	4.1	5.0	6.7	6.6	6.3	3.5	6.4	6.4	5.3	5.1	ĩ	5.8		5.6		T.bình			
19	Nguy n Kim	Ngân	5.6	5.1	6.6	6.8	7.7	7.3	6.4	7.0	5.6	6.4	6.8	ĩ	7.1		6.5		Khá			
20	Tr n C»ng	Nguyên	6.6	6.8	7.9	6.0	8.0	5.4	6.3	6.4	6.2	6.4	5.1	ĩ	6.6		6.5		Khá			
21	Tr ng Ho@ng B o	Nhi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
22	Nguy n Th H ng	Nhung	7.6	8.6	8.6	8.5	8.1	6.9	9.0	8.6	7.9	8.5	8.8	ĩ	7.4		8.2		Khá			
23	D ng Nguy n Quunh	Nh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
24	Nguy n Tr n T n	Phát	4.9	5.0	4.8	5.7	6.5	6.5	6.6	5.6	4.1	5.8	6.0	ĩ	6.9		5.7		T.bình			
25	Tr n Thi²n	Phú	4.4	3.0	4.9	4.9	7.2	5.5	6.2	5.2	4.7	4.9	5.3	ĩ	7.1		5.3		Y u			
26	Hoàng Bích	Ph ng	4.8	5.8	5.2	4.9	7.7	6.3	4.5	6.1	4.5	5.7	5.5	ĩ	6.8		5.7		T.bình			
27	Nguy n Th L	Quyên	6.0	6.1	5.7	6.2	7.2	6.6	6.2	6.3	6.8	6.2	5.6	ĩ	8.4		6.4		T.bình			
28	L c Thi²n	Quý	5.3	5.2	7.4	6.6	6.2	5.5	5.5	5.8	6.4	6.9	5.7	ĩ	7.0		6.1		T.bình			
29	Tr n Tr ng Hĩ n	Tài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
30	VĩL² Kim	Thanh	5.5	4.6	4.0	4.2	6.7	5.1	5.1	5.0	6.0	4.4	4.5	ĩ	6.6		5.1		T.bình			
31	Bĩ Th Kim	Th o	4.9	5.0	6.5	5.7	8.1	5.6	7.2	6.7	5.6	6.8	6.1	ĩ	7.9		6.3		T.bình			
32	Nguy n Huunh Kĩ u	Thĩ	5.3	6.7	6.4	6.1	8.1	6.4	6.8	5.8	5.5	6.8	6.7	ĩ	7.4		6.5		T.bình			
33	ĩ inh Xuªn	Th nh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
34	Nguy n Minh	Thu n	5.0	3.8	5.8	3.9	7.4	5.3	2.9	4.3	5.0	5.3	4.3	ĩ	6.6		5		Y u			

TT	H Ld	T	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
35	Tr n L² M ng		Th ng	5.3	5.9	5.5	5.5	7.9	5.3	5.6	4.6	7.5	5.8	5.5	ñ	6.9		5.9		T.bình			
36	L i Ho@n Tr ng		Tín	3.9	3.5	3.8	4.9	6.8	5.3	4.1	3.6	6.2	5.5	4.7	ñ	7.1		5		T.bình			
37	ñ ° an Th		T t	4.3	5.2	4.3	6.4	6.6	5.8	5.4	6.5	4.4	5.4	6.3	ñ	6.9		5.6		T.bình			
38	Nguy n Th Thuĩ		Trâm	3.4	3.3	4.5	5.7	6.2	4.7	4.9	6.8	4.5	4.5	4.9	ñ	7.1		5		Y u			
39	Nguy n ñ Ñg		Trình	5.5	6.4	7.1	6.4	8.5	6.7	6.6	7.3	5.7	7.0	6.5	ñ	7.4		6.8		Khá			
40	Lâm Hoàng		Tu n	6.8	7.5	7.7	7.1	7.9	6.1	8.5	7.8	7.0	7.0	6.5	ñ	6.8		7.2		Khá			
41	Nguy n ñ ãh		Tú	5.0	5.5	6.1	3.6	6.8	6.4	4.9	6.0	5.1	5.6	4.6	ñ	6.1		5.5		T.bình			
42	H		Vân	4.6	5.2	5.5	4.9	6.6	5.7	5.9	6.5	5.3	4.9	4.5	ñ	6.1		5.5		T.bình			
43	Huunnh Tuy t		Vi	6.6	6.5	6.8	5.8	7.2	6.6	5.8	7.2	6.8	5.7	7.7	ñ	7.6		6.7		Khá			
44	VHONguy²n		VIO	5.4	4.8	6.1	4.2	6.6	5.4	3.8	6.0	6.2	3.9	4.8	ñ	7.3		5.4		T.bình			
45																							

		Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u
Gi i		1	1	2	1	8	0	2	1	0	1	1	0	1	0	1	0	0	0
	%	2.5	2.5	5	2.5	20	0	5	2.5	0	2.5	2.5	0	2.5	0	2.5	0	0	0
Khá		5	6	9	8	28	9	6	13	6	9	6	40	30	0	8	0	8	0
	%	12.5	15	22.5	20	70	22.5	15	32.5	15	22.5	15	100	75	0	20	0	20	0
T.Bình		15	18	16	18	4	26	22	18	23	22	21	0	9	0	27	0	24	
	%	37.5	45	40	45	10	65	55	45	57.5	55	52.5	0	22.5	0	67.5	0	60	
Y u		16	12	11	13	0	5	8	8	10	8	12	0	0	0	4	0	8	
	%	40	30	27.5	32.5	0	12.5	20	20	25	20	30	0	0	0	10	0	20	
Kém		3	3	2	0	0	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0		0	
	%	7.5	7.5	5	0	0	0	5	0	2.5	0	0	0	0	0	0		0	

Bph quª n Li m TBCM : 5.8

HCM, 20 th" ng 5 nÑm 2015

Gi"o vi²n Ch nh i m

Hi u tr ng

Nguy n Th Ng c Trang

TT	H LđT	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho` h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GD CD	Cong ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
1	Võ Lan	Anh	7.1	6.2	9.0	6.9	8.8	5.3	7.3	7.0	5.6	7.3	7.8	ñ	6.9		7.1	T t	Khá	HSTT	2	
2	Tr ng Tu n	Anh	4.8	4.6	4.3	6.0	7.9	3.8	6.5	5.9	4.5	6.5	3.9	ñ	6.6		5.4	Khá	Y u		33	
3	VHQL ² Linh	Chi	3.7	4.9	3.6	5.1	6.0	5.0	5.7	6.0	5.3	6.4	4.6	ñ	6.8		5.3	T t	T.bình		29	
4	Ph m Nguy n L ²	Danh	4.8	5.5	6.1	5.1	6.2	4.4	4.9	5.0	5.3	6.0	4.8	ñ	7.4		5.5	Khá	Y u		32	
5	Nguy n Ch ^a u Qu c	ĐHQg	4.3	4.5	3.2	4.2	6.4	3.9	3.9	4.5	3.7	5.9	3.8	ñ	6.5		4.6	T.bình	Y u		43	
6	Nguy n VÑñ Duy	H i	4.6	5.6	5.4	5.6	7.3	4.6	6.1	4.7	5.4	5.9	5.5	ñ	7.6		5.7	Khá	Y u		31	
7	Nguy n Th L ²	Hân	4.4	5.4	4.1	6.1	6.2	6.5	7.2	4.8	4.7	6.3	4.8	ñ	6.6		5.6	T t	T.bình		27	
8	Nguy n Ng c	Hân	5.2	6.0	6.6	6.7	6.4	5.3	7.0	6.2	4.6	7.4	6.1	ñ	6.9		6.2	T t	T.bình		19	
9	Nguy n Thanh	Hi n	6.2	5.3	5.5	7.0	8.4	6.2	7.0	7.7	4.4	8.0	6.2	ñ	7.0		6.6	T t	T.bình		11	
10	Ph m Bçi Huy	Hoàng	4.7	5.3	7.1	4.1	6.3	3.6	3.2	5.3	3.1	5.3	4.8	ñ	6.5		4.9	T.bình	Y u		37	
11	Nguy n Huy	Hoàng	5.8	5.7	7.7	6.4	7.7	4.2	6.3	8.6	4.8	7.0	6.7	ñ	7.8		6.6	T t	T.bình		11	
12	Tr ng Ho@ng	Huy	5.8	6.3	6.3	7.5	6.7	5.8	8.1	7.8	5.5	8.0	5.0	ñ	8.4		6.8	T t	T.bình		10	
13	Nguy n Ph m Thanh	Huy n	5.0	5.3	4.9	6.7	7.0	5.7	6.4	6.3	4.4	6.6	4.9	ñ	7.0		5.9	Khá	T.bình		23	
14	Nguy n Tu n	H u	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
15	Hu@nh Ph ng	Khanh	6.7	6.1	7.9	6.4	8.0	5.3	5.9	6.7	5.8	6.6	6.1	ñ	7.1		6.6	T t	Khá	HSTT	5	
16	Nguy n Trung	Kiên	5.9	6.0	6.2	5.9	6.3	5.6	7.2	7.3	5.7	7.7	5.9	ñ	6.9		6.4	T t	T.bình		16	
17	H Ho@ng	Linh	5.8	5.3	5.9	5.4	6.4	5.5	5.8	6.4	5.1	6.7	5.4	ñ	7.3		5.9	T t	T.bình		23	
18	Nguy n Ph%ç Kh`nh	Loan	6.5	6.1	5.8	6.5	6.5	5.5	7.0	6.9	6.1	7.3	5.9	ñ	7.4		6.5	T t	Khá	HSTT	6	
19	H@ Nguy n Thi ² n	Luân	6.1	5.5	4.9	5.6	6.5	4.4	4.7	5.4	4.5	5.2	4.3	ñ	6.5		5.3	Khá	T.bình		29	
20	Ph m Th	Misa	4.6	4.9	3.9	6.9	6.9	5.4	4.6	7.1	5.0	7.2	5.8	ñ	7.4		5.8	T t	T.bình		25	
21	L u Th Kim	Ngân	5.8	5.3	5.9	5.9	6.2	4.8	5.1	5.0	6.4	5.5	4.9	ñ	6.5		5.6	T t	T.bình		27	
22	T Kh i	Nguyễn	4.8	5.1	4.8	5.7	6.7	4.5	6.3	6.7	4.3	5.0	3.9	ñ	7.0		5.4	Khá	Y u		33	
23	Bçi Tr n Th o	Nhi	5.5	6.5	6.9	7.7	6.6	5.6	6.7	6.3	5.2	6.8	5.7	ñ	7.6		6.4	Khá	T.bình		16	
24	ñ ng Th Kim	Nhung	5.9	6.5	5.8	7.6	7.9	5.4	7.1	7.1	6.4	8.2	6.7	ñ	8.0		6.9	T t	T.bình		8	
25	Nguy n Ng c Qu@nh	Nh	5.9	6.7	5.5	7.8	7.6	6.5	8.4	6.9	5.8	8.0	6.7	ñ	7.4		6.9	T t	Khá	HSTT	4	
26	Vº ng ã nh	Phát	6.2	5.9	6.1	6.7	7.5	6.1	8.0	7.5	5.0	6.2	5.3	ñ	7.9		6.5	T t	T.bình		14	
27	V½Hu@nh B o	Phúc	4.2	5.4	2.8	4.3	6.3	4.3	6.1	4.3	4.7	4.9	4.2	ñ	6.3		4.8	Khá	Y u		39	
28	Tr ng VBñh Th Kim	Ph ng	6.8	6.8	7.8	7.1	8.4	6.6	7.8	7.7	6.2	8.7	7.2	ñ	7.0		7.3	T t	Khá	HSTT	1	
29	Nguy n Ng c	Quyên	3.8	3.7	3.7	5.2	6.1	4.7	4.1	5.1	4.1	5.6	4.5	ñ	6.9		4.8	Khá	Y u		39	
30	Hu@nh Nh	Qu@nh	4.7	5.2	4.4	7.3	8.2	5.2	5.3	6.5	5.4	7.5	5.5	ñ	8.5		6.1	T t	T.bình		20	
31	Tr ng Anh	Tâm	6.1	5.7	6.6	6.4	6.9	4.8	6.6	5.8	4.7	5.6	5.0	ñ	8.0		6	T t	T.bình		22	
32	Nguy n Lan	Thanh	5.3	5.3	8.2	6.4	8.1	4.8	7.2	6.1	6.2	6.6	5.9	ñ	6.9		6.4	T t	T.bình		16	
33	Tr n Minh	Th o	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
34	H@VHUY ² n	Thi	5.1	6.1	5.7	5.3	6.2	4.8	5.9	5.6	5.1	6.4	5.0	ñ	6.9		5.7	T t	T.bình		26	

TT	H Ld	T	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	Vũ h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
35	H ã c		Th nh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
36	La Th Ng c		Thu n	6.9	7.5	7.7	7.4	8.0	6.3	4.9	6.5	5.6	7.1	7.6	ñ	7.8		6.9	T t	T.bình		8	
37	Tri u Th C m		Tiên	4.8	5.4	5.4	6.3	7.4	5.0	6.1	6.4	5.9	7.5	6.1	ñ	6.6		6.1	T t	T.bình		20	
38	L² Vi t B o		Toàn	4.5	4.0	4.7	3.7	8.2	4.1	4.7	5.2	4.0	5.5	3.7	ñ	6.4		4.9	Khá	Y u		37	
39	L² Huy n		Trân	6.3	6.6	6.8	7.4	8.2	5.9	7.5	8.4	5.7	8.8	7.0	ñ	7.5		7.2	T t	T.bình		6	
40	Nguy n ã c		Trí	5.0	5.5	6.1	4.4	6.8	2.7	3.6	7.0	3.9	5.4	4.8	ñ	6.3		5.1	T.bình	Y u		35	
41	V ng Minh		Tu n	4.6	5.4	4.6	3.9	6.4	4.1	5.1	5.0	4.1	3.7	3.7	ñ	6.5		4.8	Khá	Y u		39	
42	Ph m Th Minh		Uyên	6.3	7.0	8.1	5.5	7.4	5.7	6.3	6.2	6.5	8.0	4.8	ñ	7.9		6.6	T t	T.bình		11	
43	Tr n Ng c Kh"nh		Vân	4.8	4.1	4.0	4.2	5.7	4.5	6.3	5.0	4.7	6.2	3.9	ñ	6.9		5	T.bình	Y u		36	
44	Nguy n Quang		Vinh	6.3	4.0	3.9	4.7	6.7	3.9	3.7	5.3	3.8	4.8	3.3	ñ	7.4		4.8	T.bình	Y u		39	
45	L² H u		V ng	6.6	6.6	7.3	6.9	7.9	5.7	7.3	7.3	6.1	8.0	6.5	ñ	7.4		7	T t	Khá	HSTT	3	
46	L² Th Kim		Hoa	5.9	6.2	5.4	7.2	8.2	6.2	6.7	6.1	5.2	8.4	5.9	ñ	7.1		6.5	T t	T.bình		14	

		Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	Vũ h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u
Gi i		0	0	3	0	10	0	3	2	0	9	0	0	4	0	0	27	0	0
	%	0	0	7	0	23.3	0	7	4.7	0	20.9	0	0	9.3	0	0	62.8	0	0
Khá		6	8	10	17	19	3	15	16	1	15	8	43	36	0	15	11	6	6
	%	14	18.6	23.3	39.5	44.2	7	34.9	37.2	2.3	34.9	18.6	100	83.7	0	34.9	25.6	14	14
T.Bình		21	27	15	18	14	21	15	21	24	16	17	0	3	0	21	5	24	
	%	48.8	62.8	34.9	41.9	32.6	48.8	34.9	48.8	55.8	37.2	39.5	0	7	0	48.8	11.6	55.8	
Y u		16	8	13	8	0	18	9	4	17	3	17	0	0	0	7	0	13	
	%	37.2	18.6	30.2	18.6	0	41.9	20.9	9.3	39.5	7	39.5	0	0	0	16.3	0	30.2	
Kém		0	0	2	0	0	1	1	0	1	0	1	0	0	0	0		0	
	%	0	0	4.7	0	0	2.3	2.3	0	2.3	0	2.3	0	0	0	0		0	

Bình quª n Li m TBCM : 6

HCM, 20 th"ng 5 n"m 2015

Gi"o vi²n Ch nh m

Hi u tr ng

Nguy n Th T i

TT	H LđT	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho` h c	Sinh v t	Tin h c	Vũ h c	L ch s	ĩ a lĩ	Ngo i ng	GD CD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ĩ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
1	Nguy n Th Ng c	Ánh	6.4	5.0	6.8	4.9	7.0	5.6	5.7	7.2	4.9	6.6	6.3	ĩ	7.5		6.2	T t	T.bình		16	
2	Tr n H u Vªn	Anh	6.3	4.8	4.2	5.9	6.8	5.4	6.5	7.7	4.0	6.6	6.0	ĩ	7.9		6	T t	T.bình		20	
3	Nguy n M nh	Chĩ	8.7	8.1	7.7	7.3	7.3	5.8	7.9	8.4	6.1	7.7	7.6	ĩ	7.9		7.5	T t	Khá	HSTT	2	
4	L² Huy n	Di u	6.8	6.2	7.3	5.5	6.6	5.1	5.1	6.4	5.8	6.6	4.4	ĩ	6.3		6	T.bình	T.bình		20	
5	T Trung	ĐHQg	4.8	4.7	5.7	5.6	6.9	5.1	5.0	6.2	5.6	5.0	5.5	ĩ	8.0		5.7	Khá	T.bình		28	
6	ĩ ng V½Ho»ng	H i	8.4	7.1	9.1	4.8	6.5	4.7	6.6	5.5	4.4	6.1	5.6	ĩ	7.3		6.3	Khá	T.bình		12	
7	Nguy n Thu	Hân	3.3	4.2	3.5	5.2	6.7	5.4	6.0	6.1	4.6	6.6	5.4	ĩ	7.4		5.4	T.bình	Y u		37	
8	Võ Hoài	Hi u	6.4	6.0	5.7	5.0	6.2	5.0	6.5	6.5	7.4	6.0	6.4	ĩ	6.3		6.1	T.bình	T.bình		18	
9	Thái Minh	Hi p	5.2	7.0	6.5	6.4	6.9	5.7	6.9	7.2	6.2	7.1	7.2	ĩ	7.3		6.6	T t	T.bình		8	
10	Hoàng Huy	Hoàng	6.3	5.7	3.7	5.8	6.9	6.0	7.3	8.1	4.8	7.0	6.2	ĩ	8.0		6.3	T t	T.bình		12	
11	Lê Quang	Huy	5.6	4.3	4.6	3.7	6.3	5.0	3.9	5.0	3.7	4.9	4.7	ĩ	4.6		4.7	Khá	Y u		42	
12	Nguy n	Huinh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
13	La Duy	H u	4.0	3.3	3.5	4.5	6.4	3.8	5.1	5.4	5.3	5.4	4.6	ĩ	6.6		4.8	T.bình	Y u		40	
14	Huinh Lª m ĩ Ng	Khoa	6.5	5.2	7.2	7.1	6.6	5.1	7.5	7.0	5.1	6.0	5.4	ĩ	6.9		6.3	T t	T.bình		12	
15	Mai Nguy n Trung	Kiên	5.3	5.1	6.4	6.2	6.7	5.0	7.0	6.9	4.4	5.8	6.9	ĩ	6.0		6	Khá	T.bình		20	
16	Vòng Kim	Linh	4.7	4.2	3.5	3.9	6.7	4.7	7.4	6.7	4.1	6.9	5.6	ĩ	7.9		5.5	Khá	Y u		35	
17	H Ng c Ph ng	Loan	6.1	5.3	4.9	7.1	7.2	5.7	5.2	5.4	5.6	4.9	5.2	ĩ	7.8		5.9	T t	T.bình		23	
18	L ng H u	L c	5.3	4.8	4.9	5.3	6.2	4.4	5.1	5.4	4.7	5.2	4.4	ĩ	6.0		5.1	Khá	T.bình		34	
19	L Ph m Ti u	My	5.0	6.1	6.3	6.6	7.0	5.8	7.9	8.8	4.6	7.3	7.6	ĩ	7.8		6.7	T t	T.bình		6	
20	Tr n Th Kim	Ngân	5.8	4.6	8.1	5.5	6.9	5.8	3.8	7.0	5.2	5.5	5.1	ĩ	7.6		5.9	T t	T.bình		23	
21	Nguy n Tr n Kh»i	Nguyên	7.1	5.9	6.7	6.3	6.2	6.0	6.0	6.6	5.8	5.6	5.5	ĩ	6.9		6.2	T t	T.bình		16	
22	Nguy n Tr n Th o	Nhi	5.6	4.6	5.1	5.9	6.8	5.4	6.6	7.0	4.5	6.6	5.3	ĩ	6.8		5.9	Khá	T.bình		23	
23	L u Th Tuy t	Nhung	4.0	2.9	3.1	5.8	6.3	5.4	4.9	5.9	4.4	6.2	4.5	ĩ	6.9		5	T.bình	Y u		39	
24	Nguy n Th Quinh	Nh	4.0	4.8	2.6	5.6	7.0	5.1	4.2	7.8	5.1	6.5	4.4	ĩ	6.9		5.3	Khá	Y u		38	
25	Lĩ ĩ c	Phát	4.0	4.1	3.7	6.4	6.7	4.8	6.8	7.2	4.3	6.6	5.3	ĩ	6.5		5.5	Khá	Y u		35	
26	Nguy n Duy	Quang	7.5	7.0	6.7	5.1	6.3	5.5	7.5	7.5	7.1	7.3	6.0	ĩ	7.0		6.7	T t	Khá	HSTT	5	
27	Huinh Ch´	Quy n	6.8	8.3	7.2	7.6	6.7	5.8	8.6	9.3	6.9	8.2	8.0	ĩ	6.4		7.5	T t	Khá	HSTT	2	
28	ĩ Ng c Nh	Quinh	6.3	4.0	4.3	6.3	6.8	5.8	4.8	6.4	4.5	5.6	5.1	ĩ	6.4		5.5	Khá	T.bình		31	
29	ĩ ng Ng c	Tâm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
30	Nguy n Tr n Thanh	Thanh	5.4	5.6	6.3	7.1	7.0	5.3	6.4	8.2	5.7	5.7	5.5	ĩ	6.8		6.3	Khá	T.bình		12	
31	Ph m Ng c Nh	Th o	5.8	4.4	4.6	6.0	6.7	5.2	5.0	6.9	5.5	5.5	6.2	ĩ	6.9		5.7	Khá	T.bình		28	
32	Ph m ĩ Ng	Thi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
33	Cao Ph c	Th	7.2	6.7	7.2	6.2	6.2	5.4	7.3	7.1	7.5	6.7	5.2	ĩ	6.1		6.6	T t	Khá	HSTT	6	
34	Ph m Th`i	Thu n	5.2	3.2	3.4	4.2	6.2	5.1	4.7	5.8	3.9	4.6	4.6	ĩ	6.6		4.8	Khá	Y u		40	

TT	H LđT	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
35	Nguy n D ng Ng c	Th y	4.6	5.2	5.1	4.0	6.5	5.0	3.5	6.8	4.0	5.6	6.3	ñ	8.1		5.4	T t	T.bình		32	
36	Tr n C m	Tiên	6.5	4.6	5.4	6.2	6.5	5.7	5.4	8.3	4.6	6.1	5.7	ñ	8.1		6.1	Khá	T.bình		18	
37	VHSong	Toàn	6.7	7.2	7.4	6.1	6.6	5.3	6.2	6.3	6.5	6.4	6.3	ñ	6.0		6.4	Khá	T.bình		11	
38	Nguy n Anh	Tôn	5.8	5.2	5.6	5.7	6.3	5.1	5.9	6.1	5.5	7.2	5.5	ñ	6.5		5.9	Khá	T.bình		23	
39	ñ Ng c	Trân	6.5	6.0	7.0	7.4	6.4	5.6	6.2	6.8	4.7	7.2	6.0	ñ	7.6		6.5	Khá	T.bình		9	
40	Tr n Minh	Triết	8.1	7.4	9.9	6.7	6.5	5.9	5.7	7.3	6.6	5.1	6.7	ñ	7.5		7	T t	Khá	HSTT	4	
41	Nguy n Phan ñ c	Tu n	5.9	4.0	3.6	3.6	6.0	4.2	6.2	6.2	5.2	6.1	5.8	ñ	6.3		5.3	T t	T.bình		33	
42	Bç i Ng c Ph ng	Uyên	5.1	4.3	4.8	5.7	6.4	5.1	6.5	7.1	5.3	5.8	4.9	ñ	6.5		5.6	Khá	T.bình		30	
43	Tr n Th Mai	Vân	7.5	8.2	9.3	7.2	6.9	6.3	8.7	9.3	6.0	9.2	8.1	ñ	8.0		7.9	T t	Khá	HSTT	1	
44	ñ Th	Vinh	7.3	4.9	6.6	6.0	6.4	6.5	7.2	7.2	6.8	6.7	5.0	ñ	6.9		6.5	T t	T.bình		9	
45	Nguy n ñ	Xuân	5.7	4.5	5.6	4.8	6.5	5.5	5.8	6.1	4.4	6.6	6.0	ñ	7.6		5.8	Khá	T.bình		27	

		Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u
Gi i		3	3	4	0	0	0	2	7	0	2	2	0	5	0	0	18	0	0
	%	7.1	7.1	9.5	0	0	0	4.8	16.7	0	4.8	4.8	0	11.9	0	0	42.9	0	0
Khá		11	6	12	9	28	1	16	20	7	18	5	42	27	0	10	19	6	6
	%	26.2	14.3	28.6	21.4	66.7	2.4	38.1	47.6	16.7	42.9	11.9	100	64.3	0	23.8	45.2	14.3	14.3
T.Bình		20	13	10	24	14	35	17	15	16	19	27	0	9	0	29	5	28	
	%	47.6	31	23.8	57.1	33.3	83.3	40.5	35.7	38.1	45.2	64.3	0	21.4	0	69	11.9	66.7	
Y u		7	17	13	9	0	6	7	0	19	3	8	0	1	0	3	0	8	
	%	16.7	40.5	31	21.4	0	14.3	16.7	0	45.2	7.1	19	0	2.4	0	7.1	0	19	
Kém		1	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	
	%	2.4	7.1	7.1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	

Bph quª n Li m TBCM : 6

HCM, 20 th" ng 5 nÑm 2015

Gi"o vi²n Ch nhì m

Hi u tr ng

Cao H i Chª u

TT	H LđT	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	Vũ h c	L ch s	ĩ a lĩ	Ngo i ng	GD CD	Cng ngh	Th d c	GDQP		ĩ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
1	Tr ng Nguy n Ph ng	Anh	6.2	7.2	5.9	8.6	7.9	5.8	9.0	9.4	6.9	8.9	7.3	ĩ	7.1		7.5		T.bình			
2	Ph m Vª n	Anh	5.7	4.5	5.2	5.7	7.1	4.3	5.9	5.0	4.0	6.4	5.3	ĩ	8.0		5.6		T.bình			
3	Phan Nguy n B o	Châu	5.7	4.8	4.1	6.2	7.1	4.8	7.6	6.5	3.4	7.3	5.8	ĩ	7.6		5.9		Y u			
4	V ng Kh i	Duy	7.2	7.5	7.9	7.4	7.3	5.5	8.4	8.3	5.7	7.5	5.8	ĩ	7.8		7.2		Khá			
5	Nguy n Ho@	D ng	4.2	4.1	6.7	3.0	6.0	4.5	4.4	4.7	3.2	5.8	4.8	ĩ	6.5		4.8		Y u			
6	ĩnh Ph m Ho@ng	ĩ Ng	5.2	4.2	4.8	4.4	6.9	5.4	4.8	5.3	5.2	5.7	5.3	ĩ	7.9		5.4		T.bình			
7	Tr n Huy	Hà	5.4	5.3	6.0	5.1	7.2	5.4	7.5	7.0	3.1	6.9	5.6	ĩ	7.1		6		Y u			
8	Nguy n H u	H i	5.0	5.9	6.0	5.7	6.5	4.8	7.6	7.3	4.5	6.7	6.3	ĩ	8.8		6.3		T.bình			
9	L i Ho@ng Minh	Hi u	5.1	4.9	6.4	5.2	6.4	5.0	5.6	6.6	3.4	5.7	5.1	ĩ	6.5		5.5		Y u			
10	V½M nh	Hoàng	8.0	9.0	8.7	8.5	7.7	5.6	9.3	8.9	5.2	8.4	6.6	ĩ	8.1		7.8		Khá			
11	Nguy n Minh	Huy	7.4	7.8	7.3	6.7	7.1	5.3	8.4	8.2	6.4	7.9	6.0	ĩ	7.4		7.2		Khá			
12	Tr n Quang	Huy	5.9	6.5	3.8	5.5	6.8	4.2	5.6	6.0	2.9	5.9	5.4	ĩ	7.4		5.5		Y u			
13	Nguy n Th Nh	Huinh	6.0	6.9	5.8	8.3	7.8	5.6	8.6	9.1	5.1	8.6	5.7	ĩ	8.1		7.1		T.bình			
14	Ng» Ph¾C C m	H ng	5.6	7.4	5.1	7.8	7.5	5.4	9.3	8.4	4.8	8.1	6.6	ĩ	6.8		6.9		T.bình			
15	Nguy n Anh	Khoa	5.3	5.0	3.7	5.6	6.8	4.2	6.7	6.8	3.0	7.0	4.9	ĩ	5.9		5.4		Y u			
16	H@Tu n	Ki t	5.3	5.2	6.1	6.9	7.2	4.7	8.5	8.7	3.8	7.1	6.6	ĩ	8.5		6.6		T.bình			
17	ĩ Th M	Linh	5.6	4.6	4.9	6.7	7.2	5.4	8.4	7.4	4.5	8.3	5.4	ĩ	7.4		6.3		T.bình			
18	Ph m Ho@ng	Long	6.1	6.0	7.1	4.9	6.6	4.3	5.9	5.8	5.1	6.0	5.2	ĩ	7.5		5.9		T.bình			
19	L u Th Ng c	Mai	6.8	6.8	6.5	7.5	7.7	4.7	7.8	8.8	4.4	9.3	6.8	ĩ	7.8		7.1		T.bình			
20	ĩ Th Tr¾C	My	3.9	4.0	2.7	5.4	7.0	4.4	5.5	4.0	4.4	6.3	5.8	ĩ	8.0		5.1		Y u			
21	ĩ ng Th Thu	Ngân	7.5	7.8	6.5	8.1	7.5	6.3	9.3	9.0	6.3	8.1	5.7	ĩ	7.9		7.5		Khá			
22	Nguy n ã o@ Kim	Nguyên	4.5	5.1	5.1	8.0	8.0	6.1	8.4	7.4	4.8	8.1	6.8	ĩ	7.9		6.7		T.bình			
23	Nguy n Tr´	Nhân	5.2	5.5	5.6	7.7	6.9	4.9	7.8	7.9	3.8	6.7	6.0	ĩ	7.4		6.3		T.bình			
24	V½Nguy n Tr¾C	Nhi	7.9	7.7	7.5	7.2	7.7	5.3	8.0	8.2	4.9	7.8	5.8	ĩ	8.5		7.2		T.bình			
25	H T n	Phát	5.6	5.0	6.0	5.8	6.4	5.3	6.6	5.8	3.4	6.4	5.0	ĩ	7.6		5.7		Y u			
26	Chu C m	Phong	6.1	6.0	5.7	5.3	7.3	4.7	5.7	7.0	3.3	6.5	6.1	ĩ	7.8		6		Y u			
27	Nguy n ã o@ Th@h	Phúc	6.0	4.8	5.8	6.6	6.8	5.1	7.9	7.6	4.3	6.9	6.2	ĩ	8.0		6.3		T.bình			
28	Nguy n Kim	Ph ng	4.7	3.9	4.8	6.8	7.3	4.9	7.6	6.9	4.7	7.6	5.3	ĩ	8.3		6.1		Y u			
29	Nguy n Duy	Quang	5.3	3.5	6.2	5.6	6.0	4.6	5.9	6.2	2.6	6.6	5.3	ĩ	7.4		5.4		Y u			
30	Tr n Vi t B o	Quân	7.2	8.4	8.0	7.3	6.7	6.0	9.3	9.0	5.4	8.0	6.9	ĩ	6.0		7.4		Khá			
31	Tr n Ph ng	Quinh	4.3	4.6	3.9	6.9	6.5	5.3	5.8	6.2	4.0	6.2	5.4	ĩ	6.6		5.5		T.bình			
32	Nguy n Ho@ng Thanh	Tâm	5.9	4.4	3.8	5.2	7.3	4.8	6.0	6.6	5.1	6.1	5.7	ĩ	6.1		5.6		T.bình			
33	Huinh Thi² n	Thanh	4.7	3.4	4.9	5.2	5.9	3.9	5.5	4.2	3.6	4.9	4.2	ĩ	5.9		4.7		Y u			
34	Ph m Th Ph ng	Th o	5.0	5.8	5.1	5.9	7.3	5.3	7.3	7.4	4.3	7.2	5.7	ĩ	7.1		6.1		T.bình			

TT	H LdT	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
35	ñ ng Nguy n Ho	Thi n	6.3	5.6	5.9	6.5	6.5	5.0	6.7	7.2	4.7	7.0	6.0	ñ	6.6		6.2		T.bình			
36	L² Th M	Thum	5.6	5.3	5.2	5.7	7.5	5.1	6.6	6.0	3.9	7.7	6.0	ñ	6.5		5.9		T.bình			
37	L² Th Anh	Th	5.7	5.0	6.9	7.1	7.2	5.2	7.7	8.1	6.2	7.8	6.3	ñ	7.6		6.7		T.bình			
38	Nguy n Th Th y	Tiên	5.2	5.0	5.2	6.2	7.7	5.6	5.2	5.0	5.0	7.5	6.0	ñ	6.3		5.8		T.bình			
39	L² VN	Toàn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
40	Ho	Trân	5.7	7.8	5.1	8.5	7.9	5.9	9.1	9.2	6.2	8.6	7.2	ñ	6.6		7.3		T.bình			
41	Võ Minh	Trung	5.3	5.9	6.3	5.3	6.6	5.1	5.8	7.0	3.8	6.6	4.6	ñ	6.4		5.7		T.bình			
42	Nguy n Ng c Thanh	Tuy n	5.5	6.4	6.0	4.9	7.5	5.3	6.6	6.9	4.4	6.8	5.3	ñ	6.6		6		T.bình			
43	Nguy n Th Ph ng	Uyên	5.7	5.6	6.2	7.9	7.5	6.5	8.8	8.1	5.6	9.0	7.2	ñ	7.4		7.1		Khá			
44	Quan Ng c	Vân	6.7	5.0	5.0	6.0	7.2	4.5	7.7	7.4	4.8	7.3	4.9	ñ	7.6		6.2		T.bình			
45	Nguy n T@	Vinh	5.3	4.8	4.0	4.6	7.0	3.7	4.1	6.2	4.6	5.7	4.4	ñ	6.0		5		T.bình			

	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u
Gi i	1	2	2	6	1	0	14	14	0	11	0	0	9	0	0	0	0	0
	% 2.3	4.5	4.5	13.6	2.3	0	31.8	31.8	0	25	0	0	20.5	0	0	0	0	0
Khá	7	10	8	15	38	1	15	17	1	21	9	44	28	0	15	0	6	0
	% 15.9	22.7	18.2	34.1	86.4	2.3	34.1	38.6	2.3	47.7	20.5	100	63.6	0	34.1	0	13.6	0
T.Bình	30	18	23	18	5	25	12	10	13	11	29	0	7	0	27	0	26	
	% 68.2	40.9	52.3	40.9	11.4	56.8	27.3	22.7	29.5	25	65.9	0	15.9	0	61.4	0	59.1	
Y u	6	13	10	4	0	18	3	3	21	1	6	0	0	0	2	0	12	
	% 13.6	29.5	22.7	9.1	0	40.9	6.8	6.8	47.7	2.3	13.6	0	0	0	4.5	0	27.3	
Kém	0	1	1	1	0	0	0	0	9	0	0	0	0	0	0		0	
	% 0	2.3	2.3	2.3	0	0	0	0	20.5	0	0	0	0	0	0		0	

Bph quª n Li m TBCM : 6.2

HCM, 20 th" ng 5 nÑm 2015

Gi"o vi²n Ch nh i m

Hi u tr ng

L² Th Thanh H©

TT	H Ld'T	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	Vũ h c	L ch s	ĩ a lĩ	Ngo i ng	GD CD	Cng ngh	Th d c	GDQP		ĩ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
1	Nguy n ã c	Anh	4.9	4.0	4.6	5.6	6.3	5.0	5.3	5.5	4.6	5.6	7.1	ĩ	6.4		5.4	T t	T.bình		24	
2	H Quinh	Anh	3.9	4.7	3.7	4.6	6.9	5.6	5.9	4.4	4.0	5.6	4.5	ĩ	5.9		5	T t	T.bình		29	
3	Hoàng Lê Minh	Châu	6.3	7.5	8.2	7.4	6.5	6.2	8.9	8.2	4.9	8.2	6.9	ĩ	8.1		7.3	T t	T.bình		6	
4	Tr nh Quy t	Chĩ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
5	ĩ ng Kim Kh" nh	Duy	7.8	7.0	8.8	7.8	7.6	5.3	8.9	8.5	5.4	8.3	7.6	ĩ	8.0		7.6	T t	Khá	HSTT	1	
6	Lê Thúc Minh	D ng	4.2	4.4	4.0	4.6	6.3	5.9	5.0	5.0	3.0	6.5	6.6	ĩ	6.6		5.2	T t	Y u		32	
7	Huinh L ² Ph c	ĩ i n	4.7	3.7	3.9	5.0	6.2	5.0	3.7	5.0	3.7	3.9	4.1	ĩ	7.3		4.7	T.bình	Y u		40	
8	Huinh L ² Ng ³ n	Hà	3.6	3.7	4.4	5.0	6.6	4.7	4.9	4.9	5.1	6.5	4.0	ĩ	7.4		5.1	T t	Y u		34	
9	L ² Th Di m	H ng	4.9	4.7	3.7	4.5	6.9	5.2	3.2	5.2	3.2	4.6	5.6	ĩ	6.4		4.8	T.bình	Y u		38	
10	Phan Minh	Hi u	4.6	5.4	5.3	5.2	6.2	5.6	4.9	5.8	4.5	6.8	5.6	ĩ	5.6		5.5	T t	T.bình		22	
11	L ² Nghĩ Minh	Hoàng	5.8	4.1	5.8	4.3	7.0	5.5	5.5	6.0	4.1	5.9	4.3	ĩ	6.9		5.4	T t	T.bình		24	
12	ĩ Quang	Huy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
13	Nguy n Ch'	Hùng	6.3	5.5	5.2	5.5	6.7	5.1	5.1	5.1	5.3	5.3	4.9	ĩ	5.9		5.5	Khá	T.bình		22	
14	Ng» Th Mai	H ng	8.3	7.7	7.9	7.0	7.1	5.5	8.1	9.3	5.5	7.6	6.0	ĩ	7.5		7.3	T t	Khá	HSTT	3	
15	Tr ng Quang	Kh i	4.1	4.2	4.6	5.9	6.1	5.0	3.8	5.3	3.8	4.7	4.2	ĩ	6.0		4.8	T.bình	Y u		38	
16	ĩ ng Anh	Khoa	4.8	6.2	7.1	4.9	5.5	5.0	4.7	5.9	5.2	4.7	3.7	ĩ	5.6		5.3	Khá	T.bình		27	
17	Tr n M	Linh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
18	H©Tr n Minh	Long	5.2	5.5	5.5	7.9	6.9	6.1	7.9	8.4	4.7	7.5	6.2	ĩ	7.4		6.6	T t	T.bình		10	
19	Huinh Qu	Mai	7.0	5.0	4.4	6.0	7.0	5.0	4.4	7.6	4.6	7.6	5.8	ĩ	6.1		5.9	Khá	T.bình		16	
20	Tr n Tr ³ c	My	6.9	6.3	4.1	6.2	6.3	5.5	4.9	6.1	6.5	6.4	6.8	ĩ	6.5		6	Khá	T.bình		14	
21	Nguy n Th B o	Ng c	5.4	5.2	4.3	7.1	6.7	5.0	5.2	5.9	5.0	6.4	6.2	ĩ	6.4		5.7	T t	T.bình		19	
22	V½Th o	Nguyên	7.3	7.6	8.0	6.5	7.5	5.4	4.4	6.7	5.6	6.1	6.4	ĩ	8.1		6.6	T t	T.bình		10	
23	L ³ m H Tr ng	Nhân	7.6	6.7	7.3	7.5	6.9	5.6	8.7	9.0	5.0	8.0	5.7	ĩ	6.3		7	T t	Khá	HSTT	5	
24	Nguy n Gia Tuy t	Nhi	4.5	4.9	4.0	6.4	6.3	5.0	6.7	6.9	3.3	7.3	5.9	ĩ	6.9		5.7	T t	Y u		31	
25	Tr ng Ki u	Phong	5.2	4.9	2.8	4.7	6.9	4.7	5.4	5.5	4.1	5.2	5.3	ĩ	6.3		5.1	T.bình	Y u		34	
26	Lâm Thiên	Phúc	4.7	3.6	2.5	5.2	6.7	5.0	5.5	6.1	3.9	6.8	4.1	ĩ	5.8		5	Khá	Y u		37	
27	M n Ng c	Ph ng	6.8	5.4	6.9	7.5	6.5	5.5	6.9	7.5	4.7	7.9	5.1	ĩ	7.0		6.5	T t	T.bình		12	
28	ĩ Minh	Quang	4.8	5.6	5.3	4.8	6.5	5.2	5.8	5.7	5.8	7.2	5.1	ĩ	5.9		5.6	T t	T.bình		21	
29	Nguy n Vĩ Ho©ng	Quân	6.8	7.0	8.4	6.5	6.6	4.7	4.4	6.9	6.3	6.4	6.6	ĩ	6.1		6.4	T t	T.bình		13	
30	Nguy n Th V ^a n	Quinh	4.6	6.5	5.1	5.6	7.2	5.5	4.2	6.7	4.5	5.7	5.5	ĩ	6.9		5.7	Khá	T.bình		19	
31	Nguy n Minh Vi t	Tâm	5.7	4.3	4.4	5.5	7.0	5.1	4.5	5.3	3.3	5.7	4.8	ĩ	6.4		5.2	T.bình	Y u		32	
32	L ² Th	Thanh	6.7	6.8	6.6	7.8	8.0	5.6	8.5	9.2	5.9	8.7	7.4	ĩ	7.8		7.4	T t	Khá	HSTT	2	
33	Huinh Thanh	Th o	5.7	5.5	5.9	7.0	7.3	5.8	7.9	9.0	5.2	8.6	6.6	ĩ	7.1		6.8	T t	T.bình		8	
34	Nguy n Vĩ Ho©ng	Thĩ n	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		

TT	H LdT	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
35	Tr n Anh	Th	6.8	6.8	7.9	5.6	7.1	5.4	6.8	8.7	5.6	6.4	6.6	ñ	8.1		6.8	T t	Khá	HSTT	6	
36	Ph m Nguy n Ph ng	Thy	6.0	5.2	4.6	5.8	6.8	4.8	5.1	7.1	4.8	6.2	5.2	ñ	7.5		5.8	T t	T.bình		18	
37	V°ng D ch	Ti n	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
38	Th"i VNh	Toàn	7.2	7.0	7.7	7.9	7.5	6.0	7.2	8.9	6.7	7.2	6.4	ñ	8.0		7.3	T t	Khá	HSTT	3	
39	Chu Th	Tr ng	7.3	6.1	6.8	6.5	6.6	4.4	5.5	6.3	3.9	7.0	5.0	ñ	7.0		6	T t	T.bình		14	
40	Bị Qu c	Trung	5.9	4.7	7.0	4.9	6.2	4.6	4.0	6.4	5.3	4.5	5.0	ñ	6.4		5.4	Khá	T.bình		24	
41	Lê Thanh	Tùng	4.2	5.1	5.1	4.8	6.7	5.0	3.7	6.1	3.5	5.4	4.2	ñ	5.9		5	T.bình	T.bình		29	
42	V½Ph ng	Uyên	4.5	5.0	3.9	3.8	6.6	5.0	3.9	5.7	4.6	6.1	5.1	ñ	6.8		5.1	Khá	T.bình		28	
43	Nguy n Th Thanh	Vân	6.4	5.1	5.0	6.0	7.3	5.3	5.6	7.0	4.2	6.6	5.5	ñ	6.8		5.9	Khá	T.bình		16	
44	Nguy n Anh	Vi t	7.1	6.4	6.8	6.6	7.1	5.4	7.0	9.5	4.8	7.4	6.4	ñ	7.4		6.8	T t	T.bình		8	
45	Nguy n Ho@ng	Huy	5.3	6.6	3.2	4.2	7.1	4.8	4.3	5.1	4.4	5.2	4.5	ñ	6.8		5.1	Khá	Y u		34	

		Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u
Gi i		1	0	4	0	1	0	5	10	0	5	0	0	5	0	0	24	0	0
	%	2.5	0	10	0	2.5	0	12.5	25	0	12.5	0	0	12.5	0	0	60	0	0
Khá		12	11	10	14	30	0	7	8	2	14	9	40	18	0	12	10	6	6
	%	30	27.5	25	35	75	0	17.5	20	5	35	22.5	100	45	0	30	25	15	15
T.Bình		12	16	9	15	9	33	12	20	14	16	20	0	17	0	25	6	24	
	%	30	40	22.5	37.5	22.5	82.5	30	50	35	40	50	0	42.5	0	62.5	15	60	
Y u		15	13	14	11	0	7	15	2	20	5	11	0	0	0	3	0	10	
	%	37.5	32.5	35	27.5	0	17.5	37.5	5	50	12.5	27.5	0	0	0	7.5	0	25	
Kém		0	0	3	0	0	0	1	0	4	0	0	0	0	0	0		0	
	%	0	0	7.5	0	0	0	2.5	0	10	0	0	0	0	0	0		0	

Bph quª n Li m TBCM : 5.9

HCM, 20 th"ng 5 nÑm 2015

Gi"o vi²n Ch nhn m

Hi u tr ng

V½Th Thu Th y

TT	H LđT	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	Vũ h c	L ch s	ĩ a lĩ	Ngo i ng	GD CD	Cng ngh	Th d c	GDQP		ĩ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
1	Vĩ c	Anh	5.3	6.6	4.8	7.2	6.7	4.6	6.0	7.5	6.5	5.8	5.4	ĩ	5.6		6		T.bình			
2	Nguy n Ph m Th ^{3/4}	Anh	6.4	6.8	3.8	6.5	6.3	5.8	6.4	7.6	4.6	5.2	5.3	ĩ	7.4		6		T.bình			
3	Nguy n Th Gia	Ấn	5.2	5.5	4.2	5.7	6.0	5.3	6.7	6.4	3.6	6.9	5.8	ĩ	7.1		5.7		T.bình			
4	Nguy n Th ch Vi t	Chánh	5.0	4.9	5.0	5.8	6.6	4.6	5.4	5.9	4.0	6.1	5.4	ĩ	6.6		5.4		T.bình			
5	VĩKh" nh	Duy	5.9	7.1	6.0	6.4	5.8	4.8	5.6	7.0	5.5	6.2	5.3	ĩ	5.8		6		T.bình			
6	Nguy n Vĩ Tu n	D ng	3.9	4.9	3.5	2.7	5.7	5.6	3.7	3.8	3.2	5.7	4.9	ĩ	7.4		4.6		Y u			
7	Tr n Thu	Hà	4.7	6.5	4.4	6.1	6.2	5.6	6.4	5.0	4.8	6.4	5.9	ĩ	7.4		5.8		T.bình			
8	Huinh Th Kim	H ng	5.1	4.8	3.8	5.3	6.4	5.0	3.8	6.0	4.1	6.6	5.5	ĩ	6.6		5.3		T.bình			
9	Hoàng Trung	Hi u	4.4	5.1	6.4	5.9	6.7	5.5	5.0	7.4	4.9	6.5	5.4	ĩ	5.9		5.8		T.bình			
10	Vĩ Minh	Hoàng	5.5	6.8	6.3	7.0	7.7	5.4	6.2	6.9	4.4	6.4	4.9	ĩ	6.9		6.2		T.bình			
11	Mai Qu c	Huy	6.0	7.9	6.1	6.6	7.2	5.1	6.9	8.8	4.8	7.8	5.8	ĩ	7.4		6.7		T.bình			
12	Tr n Nh	Hùng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
13	Nguy n Vĩ	K t	6.5	7.0	6.5	5.8	7.7	5.1	6.2	8.0	3.9	5.8	5.6	ĩ	7.6		6.3		T.bình			
14	Nguy n Ho@ng ĩ Ng	Khoa	4.4	7.3	4.1	6.9	7.3	5.0	6.3	7.5	3.8	6.1	4.8	ĩ	6.9		5.9		T.bình			
15	Ph m Kim Cao	Km	7.0	8.4	8.7	8.8	7.7	5.7	8.0	8.7	5.2	7.1	8.1	ĩ	8.4		7.7		Khá			
16	Lĩ Th Ph ng	Linh	5.1	6.1	4.7	5.7	6.9	5.0	3.5	6.0	4.0	6.1	5.1	ĩ	6.8		5.4		T.bình			
17	Nguy n Phi	Long	6.3	7.5	6.7	7.2	7.1	5.3	7.9	9.1	4.4	6.9	6.0	ĩ	7.4		6.8		T.bình			
18	Nguy n Minh	M n	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
19	Ng» Th Ph c	M	5.7	7.9	7.4	7.7	7.1	6.5	8.0	8.2	5.6	8.6	5.9	ĩ	5.0		7		Khá			
20	Vĩ B o	Ng c	4.1	6.3	4.0	6.7	6.7	5.4	6.0	5.7	4.7	6.5	5.0	ĩ	6.8		5.7		T.bình			
21	Tri u ĩ Ng	Nguyên	5.0	6.4	5.2	6.2	6.8	5.6	4.8	7.3	4.7	6.2	5.5	ĩ	5.9		5.8		T.bình			
22	Nguy n H ng Tr ng	Nhân	5.5	5.8	5.6	7.6	6.4	5.2	8.0	8.6	5.7	7.3	5.8	ĩ	7.1		6.6		T.bình			
23	Tr n T ng	Nhi	5.7	6.6	5.8	6.0	7.5	5.1	5.4	6.7	5.1	7.0	5.3	ĩ	7.0		6.1		T.bình			
24	L i Thanh	Phong	5.2	5.0	4.3	4.6	6.6	4.6	6.4	5.5	3.4	4.2	4.4	ĩ	7.0		5.1		Y u			
25	L i D Thi²n	Phúc	3.9	3.8	4.4	3.5	6.8	4.3	4.2	5.5	4.1	4.0	4.6	ĩ	6.4		4.6		Y u			
26	Huinh Thanh	Ph ng	4.5	5.9	7.5	6.3	6.6	5.3	7.7	7.7	4.5	5.7	4.2	ĩ	6.6		6		T.bình			
27	D ng T n	Quang	3.1	4.8	4.5	6.2	6.7	5.0	6.6	6.7	4.9	5.3	4.4	ĩ	6.3		5.4		Y u			
28	Nguy n Thanh	Quân	8.3	9.9	8.6	7.7	8.2	5.7	8.3	8.8	6.6	7.8	6.5	ĩ	6.1		7.7		Khá			
29	Nguy n Ng» Xu³n	Quinh	5.8	5.6	5.2	7.2	7.4	5.7	5.8	7.0	4.7	5.8	5.2	ĩ	7.3		6.1		T.bình			
30	Vĩ Hoàng	Tài	5.0	6.3	6.3	6.6	7.3	4.9	6.1	7.4	4.4	5.4	4.8	ĩ	6.9		6		T.bình			
31	Nguy n Th Thanh	Th o	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
32	Tr ng Ho@ng	Th ng	3.3	5.1	4.7	4.8	6.9	5.8	6.0	4.9	5.6	6.4	5.3	ĩ	5.8		5.4		Y u			
33	D ng Quang	Thi n	6.7	7.3	7.2	5.1	6.4	4.2	5.8	6.4	6.8	4.7	4.3	ĩ	7.1		6		T.bình			
34	Nguy n Th Minh	Thùy	4.6	4.4	5.0	6.2	6.8	5.1	5.6	7.0	5.3	6.7	6.1	ĩ	7.0		5.8		T.bình			

TT	H Ld	T	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
35	Tr n Anh		Th	6.7	8.4	8.7	7.6	7.6	5.5	8.3	8.6	4.9	8.3	6.5	ñ	7.4		7.4		T.bình			
36	Ph m Tr n		Ti n	5.0	5.4	4.3	6.5	6.0	5.5	5.9	7.1	5.1	6.6	4.8	ñ	6.4		5.7		T.bình			
37	Ph m ñ c		Tôn	6.0	8.1	6.4	5.2	6.8	4.8	6.9	7.7	4.6	6.7	5.4	ñ	7.1		6.3		T.bình			
38	L² Huunh		Trâm	5.6	5.5	5.1	6.0	6.5	5.5	4.8	5.7	4.9	5.9	4.6	ñ	6.8		5.6		T.bình			
39	Nguy n VÑ		Trung	3.8	4.2	4.1	5.8	6.4	4.7	3.6	5.1	7.2	4.4	3.7	ñ	7.0		5		Y u			
40	ñ inh Ho@ng		Tr ng	4.2	5.1	4.9	5.9	7.2	4.4	4.9	7.0	4.7	6.1	4.2	ñ	6.1		5.4		Y u			
41	Tr ng Anh		Tú	6.3	7.0	5.3	4.6	6.4	5.1	6.4	6.1	5.1	5.5	4.9	ñ	6.4		5.8		T.bình			
42	Hà Vân		Uyên	6.1	6.0	5.6	4.6	5.9	5.2	4.9	6.3	4.8	6.1	6.5	ñ	7.0		5.8		T.bình			
43	Tr n Th Thanh		Vân	6.2	6.8	6.5	5.8	7.7	5.0	5.4	6.5	5.5	8.0	5.8	ñ	6.0		6.3		T.bình			
44	ñ Ho@ng		Vi t	4.5	6.0	5.5	6.0	6.9	5.0	6.9	6.4	5.6	5.1	4.4	ñ	6.6		5.7		T.bình			
45	V½Th Ng c		Thúy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		

		Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u
Gi i		1	4	3	1	1	0	5	8	0	3	1	0	1	0	0	0	0	0
	%	2.4	9.8	7.3	2.4	2.4	0	12.2	19.5	0	7.3	2.4	0	2.4	0	0	0	0	0
Khá		4	14	6	14	28	1	7	17	4	13	3	41	27	0	7	0	3	0
	%	9.8	34.1	14.6	34.1	68.3	2.4	17.1	41.5	9.8	31.7	7.3	100	65.9	0	17.1	0	7.3	0
T.Bình		23	16	16	20	12	30	20	14	11	21	22	0	13	0	32	0	31	
	%	56.1	39	39	48.8	29.3	73.2	48.8	34.1	26.8	51.2	53.7	0	31.7	0	78	0	75.6	
Y u		11	7	16	5	0	10	9	2	24	4	15	0	0	0	2	0	7	
	%	26.8	17.1	39	12.2	0	24.4	22	4.9	58.5	9.8	36.6	0	0	0	4.9	0	17.1	
Kém		2	0	0	1	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0		0	
	%	4.9	0	0	2.4	0	0	0	0	4.9	0	0	0	0	0	0		0	

Bph quª n Li m TBCM : 5.9

HCM, 20 th" ng 5 nÑm 2015

Gi"o vi²n Ch nhim

Hi u tr ng

Phan Th Mai H ng

TT	H Ld'T	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GD CD	Cng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
1	L u Th Tr ^a m	Anh	7.7	8.8	9.2	6.6	7.9	6.9	6.8	8.0	7.1	7.5	7.5	ñ	9.4		7.8	T t	Khá	HSTT	1	
2	Tr n Gia	B o	4.5	2.9	3.1	3.9	6.1	4.6	5.0	4.9	4.6	3.6	4.4	ñ	6.5		4.5	T.bình	Y u		39	
3	VNñ Nguy n Gia	Ch ng	5.4	5.5	5.1	6.4	6.9	6.4	6.9	6.7	7.3	7.0	7.2	ñ	9.5		6.7	T t	T.bình		16	
4	L ² Nguy n Minh	Duy	6.3	5.7	5.1	3.8	6.0	4.6	5.4	4.8	4.7	2.8	3.4	ñ	5.1		4.8	Khá	Y u		36	
5	Nguy n ñ i	D ng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
6	Nguy n Minh	ñ c	7.7	5.9	6.7	5.3	6.6	6.5	7.4	7.4	5.4	6.2	5.8	ñ	6.4		6.4	T t	T.bình		18	
7	Nguy n T ng Anh Tr ng	Giang	5.7	7.6	7.0	6.3	6.9	7.1	7.8	8.5	6.1	8.2	6.4	ñ	5.5		6.9	T t	Khá	HSTT	6	
8	Nguy n Thanh	Hào	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
9	Th"i Th Nh	H ng	6.9	7.5	7.5	7.8	7.3	6.8	8.3	8.8	6.2	8.2	6.0	ñ	6.1		7.3	T t	Khá	HSTT	5	
10	Lê Hoàng Trung	Hi u	3.5	4.4	4.9	4.0	6.4	5.2	2.7	5.1	5.6	3.7	4.7	ñ	5.3		4.6	T.bình	Y u		38	
11	Tr n	Hoàng	6.1	7.0	8.0	5.0	6.3	5.4	6.8	5.4	7.1	7.1	5.6	ñ	6.0		6.3	T t	T.bình		20	
12	ñ o@ Nguy n Qu c	Huy	7.7	7.6	6.4	6.2	6.3	4.6	6.7	6.1	5.1	5.1	4.7	ñ	6.5		6.1	T t	T.bình		23	
13	Tr n Phi	Hùng	3.2	4.9	3.9	4.9	6.2	6.2	4.7	4.7	4.7	7.5	5.7	ñ	6.4		5.3	T.bình	Y u		35	
14	Ng» Ho@ng Th y	Kha	6.2	6.8	6.3	6.4	7.7	5.5	7.6	7.1	5.1	7.7	6.5	ñ	9.6		6.9	T t	T.bình		15	
15	Ng» Ho@ng Th y	Khanh	7.3	6.5	8.1	5.8	6.6	5.0	6.5	7.2	5.1	6.9	6.6	ñ	9.6		6.8	T t	Khá	HSTT	8	
16	Tr ng Minh	Km	4.3	2.7	2.9	4.1	6.3	3.5	2.2	5.3	4.1	3.0	3.7	ñ	4.9		3.9	T.bình	Y u		41	
17	Tr n Th Tr ³ c	Linh	6.4	5.3	5.2	6.4	6.5	5.7	8.1	7.1	5.3	6.5	5.0	ñ	5.9		6.1	Khá	T.bình		23	
18	Nguy n VNñ	Long	6.4	5.1	5.9	5.1	6.9	6.3	6.8	5.2	6.4	6.0	5.6	ñ	5.3		5.9	T t	T.bình		27	
19	Nguy n ñ c	M nh	5.0	4.1	4.5	5.8	6.3	5.5	5.6	5.4	4.6	4.0	4.1	ñ	7.0		5.2	T.bình	T.bình		33	
20	Nguy n Th@h	M	6.1	3.7	4.5	4.2	6.2	3.1	3.5	4.4	6.1	2.5	3.1	ñ	7.1		4.5	Khá	Y u		39	
21	Chu Minh	Ng c	5.3	4.2	3.7	5.1	7.3	5.7	6.6	6.2	6.7	6.4	5.7	ñ	8.8		6	T t	T.bình		25	
22	Nguy n Nh ã	Nguyên	6.3	6.4	7.1	7.0	7.2	5.8	7.9	9.0	7.6	7.3	6.0	ñ	6.9		7	T t	T.bình		13	
23	H VNñ	Nhân	8.4	8.6	8.7	7.6	7.2	5.5	7.8	9.0	6.6	8.7	5.6	ñ	7.3		7.6	T t	Khá	HSTT	2	
24	Tr n Ng c Xu ^a n	Nhi	5.3	5.6	5.4	6.5	6.8	5.7	6.7	8.2	4.5	5.7	6.2	ñ	8.1		6.2	T t	T.bình		22	
25	Nguy n Thanh	Phong	5.7	6.4	5.1	5.1	6.8	5.2	6.6	6.3	6.3	6.4	4.1	ñ	8.0		6	T.bình	T.bình		25	
26	Ng» VNñ Tr ng	Phúc	7.3	8.0	6.2	5.9	6.4	6.2	8.0	7.0	6.3	6.8	5.1	ñ	7.8		6.8	T t	Khá	HSTT	8	
27	Nguy n Ho@ng H u	Ph c	4.7	4.1	4.0	4.7	6.0	5.3	6.2	6.9	4.7	4.5	4.8	ñ	8.0		5.3	Khá	T.bình		31	
28	Ph m Vi t	Quang	4.6	5.0	5.1	5.0	6.2	5.7	6.7	5.9	5.0	5.5	5.2	ñ	6.6		5.5	T.bình	T.bình		29	
29	ñ Trung	Quân	3.7	3.9	5.8	6.4	6.9	5.7	6.7	8.0	5.0	6.0	5.9	ñ	6.9		5.9	Khá	T.bình		27	
30	Phan C nh	S n	4.1	5.7	3.6	3.6	6.4	4.0	3.8	4.7	7.2	3.3	4.9	ñ	6.0		4.8	Khá	Y u		36	
31	Nguy n Ng c	Tài	7.9	9.6	7.5	6.6	6.7	6.3	8.0	7.9	7.4	7.5	6.4	ñ	6.5		7.4	T t	Khá	HSTT	4	
32	Ph m Th Thanh	Th o	8.1	7.0	6.5	7.4	7.0	6.5	7.1	8.9	7.8	8.5	7.6	ñ	8.0		7.5	T t	Khá	HSTT	3	
33	Huinh Ki n	Th ng	6.9	7.4	7.2	5.9	6.9	6.8	6.7	6.4	5.7	7.1	6.6	ñ	6.6		6.7	T t	Khá	HSTT	11	
34	Bùi Thông	Thi n	7.1	6.6	7.9	6.3	6.7	7.1	7.6	6.9	5.7	6.3	5.3	ñ	7.4		6.7	T t	Khá	HSTT	11	

TT	H LđT	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
35	Nguy n Th Thanh	Thúy	6.5	6.5	7.2	6.5	6.7	6.2	7.5	6.5	4.4	6.4	5.2	ñ	6.9		6.4	Y u	T.bình		18	
36	Bị i Ng c Minh	Th	6.1	5.5	5.5	7.2	7.3	6.5	8.4	8.4	5.2	8.0	5.5	ñ	8.6		6.9	T t	Khá	HSTT	6	
37	Nguy n Trung	Ti n	6.2	5.9	6.0	7.4	6.5	6.0	7.9	7.5	6.2	6.7	6.0	ñ	6.4		6.6	T t	T.bình		17	
38	Ng» VCHo»ng	Trang	4.3	4.1	4.4	5.8	7.6	4.5	6.6	6.7	4.2	4.9	5.6	ñ	6.0		5.4	T.bình	Y u		34	
39	Nguy n Th Thanh	Trúc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		
40	Nguy n Minh	Tr ng	6.7	3.9	5.5	4.9	6.6	4.2	4.7	6.1	4.0	5.0	4.7	ñ	7.5		5.3	Khá	T.bình		31	
41	Ph m Th C m	Tú	7.8	5.5	6.4	7.4	7.3	6.1	6.7	7.5	8.2	5.3	5.3	ñ	7.6		6.8	T t	Khá	HSTT	8	
42	Nguy n Ng c T ng	Uy n	6.9	6.3	4.9	4.6	6.4	5.7	5.8	7.2	6.8	6.6	6.6	ñ	8.1		6.3	T t	T.bình		20	
43	Nguy n Th Thu	Vân	5.2	4.4	4.9	4.3	6.4	5.7	5.9	6.8	4.3	5.8	4.5	ñ	6.9		5.4	Khá	T.bình		30	
44	Tr n Qu c	Vi t	6.6	7.0	5.9	6.4	7.3	6.2	7.9	7.4	5.5	5.1	5.4	ñ	6.8		6.5	T t	Khá	HSTT	13	
45																						

		Toán	V t lĩ	Ho" h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP		ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u
Gi i		2	4	4	0	0	0	5	9	1	5	0	0	11	0	0	24	0	0
	%	4.9	9.8	9.8	0	0	0	12.2	22	2.4	12.2	0	0	26.8	0	0	58.5	0	0
Khá		14	11	9	11	26	8	24	16	10	13	7	41	17	0	17	8	13	13
	%	34.1	26.8	22	26.8	63.4	19.5	58.5	39	24.4	31.7	17.1	100	41.5	0	41.5	19.5	31.7	31.7
T.Bình		16	14	16	19	15	25	6	11	19	14	22	0	12	0	18	8	20	
	%	39	34.1	39	46.3	36.6	61	14.6	26.8	46.3	34.1	53.7	0	29.3	0	43.9	19.5	48.8	
Y u		8	10	10	11	0	7	4	5	11	5	10	0	1	0	6	1	8	
	%	19.5	24.4	24.4	26.8	0	17.1	9.8	12.2	26.8	12.2	24.4	0	2.4	0	14.6	2.4	19.5	
Kém		1	2	2	0	0	1	2	0	0	4	2	0	0	0	0		0	
	%	2.4	4.9	4.9	0	0	2.4	4.9	0	0	9.8	4.9	0	0	0	0		0	

Bph quª n Li m TBCM : 6.1

HCM, 20 th" ng 5 nÑm 2015

Gi"o vi²n Ch nhì m

Hi u tr ng

Th" i Th Thanh Trang